

Số: 22 /2018/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 27 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp giữa Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan trong việc thực hiện chức năng, quyền hạn của Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Bộ Luật Tố tụng Dân sự ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam Ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan trong việc thực hiện chức năng, quyền hạn của Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 950/TTr-STNMT ngày 12/11/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp ban hành kèm theo Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“1. Cơ quan tiếp nhận, trả kết quả việc thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Nam thực hiện theo Quy định đã ban hành theo Quyết định số 4080/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh tại Trung tâm Hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh Quảng Nam.

2. Thời gian thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai được tính kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm, thời gian trung cầu giám định, thời gian vận chuyển hồ sơ và thời gian thực hiện trích đo địa chính thửa đất (nếu có)”.

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4 như sau:

“1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả là Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh Quảng Nam.

2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả là Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện, thị xã, thành phố đối với những địa phương đã thành lập Trung tâm Hành chính công hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố đối với địa phương chưa thành lập Trung tâm Hành chính công. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả là Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố khi địa phương thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Khi trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, viên chức trực tại “Bộ phận nhận và trả kết quả nêu trên” có trách nhiệm thu các giấy tờ gốc liên quan đến quyền sử dụng đất và thu các biên lai thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“ Những trường hợp tạm dừng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đăng ký biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất được thực hiện theo quy định tại Điều 111 Bộ Luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH do Quốc Hội thông qua ngày 25/11/2015; Khoản 28, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 do Quốc Hội thông qua ngày 25/11/2014 và Khoản 11, Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai”.

4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 20 như sau:

“1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định và có một trong các loại giấy tờ quy định tại Khoản 1, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013 (gọi tắt là Nghị định số 43), Điều 15 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (gọi tắt là Thông tư số 02) và Khoản 16, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (gọi tắt là Nghị định số 01) thì được cấp Giấy chứng nhận và không phải nộp tiền sử dụng đất”.

5. Sửa đổi, bổ sung tiết a.1 tiết a.21 điểm a khoản 2 và tiết b.1 điểm b Khoản 2 Điều 24 và Khoản 5 Điều 24 như sau:

“ a.1) Trong thời hạn 05 ngày làm việc (không tính thời gian trích đo địa chính, nếu có) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được sửa đổi tại khoản 2, Điều 1 Quyết định này thực hiện.

a.2.1) Trường hợp đăng ký đất đai thì xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai, Điều 18 Nghị định số 43, Điều 15 Thông tư số 02 và Khoản 16, Điều 2 Nghị định số 01 thì xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch;

b.1) Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (do Trung tâm Hành chính công và Xúc tiến đầu tư tỉnh Quảng Nam chuyển đến) Văn phòng Đăng ký thực hiện.

5. Thời gian thực hiện các công việc quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này không quá 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày Văn phòng Đăng ký hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất và thời gian thực hiện việc Trích đo thửa đất (nếu có)”.

6. Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 25 như sau:

“5. Thời gian thực hiện các công việc quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ Văn phòng Đăng ký hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và thời gian Trích đo thửa đất (nếu có)”.

7. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 26 như sau:

“3. Thời gian thực hiện các công việc quy định tại Khoản 2 Điều này không quá 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc kể từ Văn phòng Đăng ký hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản và thời gian Trích đo thửa đất (nếu có)”.

8. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 27 như sau:

“3. Thời gian thực hiện các công việc quy định tại Khoản 2 Điều này không quá 11 (mười một) ngày làm việc kể từ Văn phòng Đăng ký hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và thời gian Trích đo thửa đất (nếu có)”.

9. Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 28 như sau:

“5. Thời gian thực hiện các công việc quy định tại Khoản 4 Điều này không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ Văn phòng Đăng ký và không quá 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và thời gian Trích đo thửa đất (nếu có)”.

10. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm c Khoản 1, tiết b.2 điểm b Khoản 2 và điểm d Khoản 2 Điều 29 như sau:

“1. Đối với chủ đầu tư phát triển nhà ở:

a) Trong thời gian không quá 10 ngày (mười ngày) làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan chuyên môn liên quan có trách nhiệm kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, nhà ở và công trình đã xây dựng và điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán nhà ở của chủ đầu tư dự án.

c) Thời gian thực hiện tại Khoản 1 Điều này không quá 15 (mười lăm) ngày việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không kể thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.

2. Đối với người nhận chuyển quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng:

b.2) Trong thời gian 5 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo nộp các khoản nghĩa vụ tài chính về đất đai của cơ quan thuế và Giấy nộp tiền hoặc Biên lai nộp tiền của người sử dụng đất, Văn phòng Đăng ký thực hiện:

d) Thời gian thực hiện tại Khoản 2 Điều này không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Văn phòng Đăng ký nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản và thời gian Trích đo thửa đất (nếu có)”.

11. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 30 và Khoản 3 Điều 34 như sau:

“3. Thời gian thực hiện tại Khoản 2 Điều này không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Văn phòng Đăng ký hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian thực hiện trích đo địa chính (nếu có)), không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, thời gian thực hiện thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận”.

12. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 31 như sau:

“4. Thời gian thực hiện tại Khoản 2 Điều này không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Văn phòng Đăng ký hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký nhận đủ hồ sơ hợp lệ”.

13. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 33 như sau:

“3. Thời gian thực hiện tại Khoản 2 Điều này không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ Văn phòng Đăng ký và không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và thời gian Trích đo thửa đất (nếu có)”.

14. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 35 như sau:

“3. Thời gian thực hiện tại Khoản 2 Điều này không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Văn phòng Đăng ký hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian thực hiện trích đo địa chính (nếu có)), không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, thời gian thực hiện thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận”.

15. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 và Khoản 8 Điều 37 như sau:

“2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký có trách nhiệm thực hiện:

“ 8. Thời gian thực hiện tại Khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Văn phòng Đăng ký hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian thực hiện trích đo địa chính (nếu có))”.

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

“3. Trong thời hạn 04 (bốn) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký có trách nhiệm:

4. Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ từ Văn phòng Đăng ký chuyên đến, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm ký Giấy chứng nhận theo thẩm quyền và chuyển trả hồ sơ cho Văn phòng Đăng ký.

5. Trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ và Giấy chứng nhận do Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển trả, Văn phòng Đăng ký và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký thực hiện:

7. Thời gian thực hiện của Khoản 3, 4 và 5 Điều này không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Văn phòng Đăng ký hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký nhận hồ sơ hợp lệ; trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ là không quá 50 ngày (không tính thời gian thực hiện trích đo địa chính (nếu có))”.

17. Sửa đổi, bổ sung điểm c Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 6 Điều 39 như sau:

“c. Văn phòng Đăng ký tham mưu cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành ban hành Quyết định hủy và cấp lại Giấy chứng nhận (Trường hợp Văn phòng Đăng ký đất đai được Sở Tài nguyên và Môi trường uỷ quyền ký cấp Giấy chứng nhận theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì thẩm quyền ký quyết định hủy Giấy chứng nhận bị mất và cấp lại Giấy chứng nhận được thực hiện theo uỷ quyền).

4. Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành ban hành Quyết định hủy và cấp lại Giấy chứng nhận chuyển trả hồ sơ cho Văn phòng Đăng ký hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký.

6. Thời gian thực hiện tại Khoản 3, 4 và 5 Điều này không quá 10 (mười ngày) làm việc kể từ ngày Văn phòng Đăng ký hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian thực hiện trích đo địa chính (nếu có)”.

18. Bổ sung Điều 39a như sau:

“Điều 39a: Trình tự thực hiện thủ tục hủy và cấp lại Trang bổ sung bị mất.

1. Hộ gia đình và cá nhân, cộng đồng dân cư phải khai báo với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất về việc bị mất Trang bổ sung kèm theo Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm niêm yết thông báo mất Trang bổ sung kèm theo Giấy chứng nhận tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, trừ trường hợp mất giấy do thiên tai, hỏa hoạn.

Tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải đăng tin mất Trang bổ sung kèm theo Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương.

2. Sau 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày niêm yết thông báo mất Trang bổ sung kèm theo Giấy chứng nhận tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc kể từ ngày đăng tin lần đầu trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương đối với trường hợp của tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; người bị mất Trang bổ sung nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Trang bổ sung theo quy định thủ tục hành chính về đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

3. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký có trách nhiệm thực hiện chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền ký Quyết định hủy Trang bổ sung theo Điều 77 Nghị định số 43.

4. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ từ Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký thực hiện:

- a) Cấp lại Trang bổ sung theo đúng quy định.
- b) Chính lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;
- c) Trao Trang bổ sung kèm theo Giấy chứng nhận cho người được cấp theo quy định.

5. Thời gian thực hiện tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này không quá 10 (mười) ngày kể từ ngày Văn phòng Đăng ký hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký nhận đủ hồ sơ hợp lệ”.

19. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 40 như sau:

“3. Thời gian giải quyết không quá 07 (bảy) ngày làm việc đối với trường hợp đình chính Giấy chứng nhận; không quá 14 (mười bốn) ngày làm việc đối với trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận”.

20. Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 41 như sau:

“5. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai thì kiểm tra lại, thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định;

Trường hợp người sử dụng đất phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai thì gửi kiến nghị bằng văn bản đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có trách nhiệm kiểm tra, xem xét quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2018 và các nội dung khác của Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam không thuộc phạm vi sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Tỉnh ủy Quảng Nam;
- TT HĐND tỉnh Quảng Nam;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Quảng Nam;
- Đài PT&TH Quảng Nam;
- Lưu: VT, TH, KTTH, NC, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Thu